

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số: 497/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy định về giá tính thuế tài nguyên.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ - CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ - CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Xét Báo cáo số 1957/BC LCQ ngày 28/9/2010 của liên ngành: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế nhà nước thành phố về Phương án giá tính thuế tài nguyên; Báo cáo số 08/BCTĐ - STP ngày 04/3/2011 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định về giá tính thuế tài nguyên; Công văn số 393/TC-GCS ngày 18/3/2011 của Sở Tài chính về việc tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định về giá tính thuế tài nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố như sau:

STT	Nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Mức giá tính thuế (Đơn vị tính: đồng)
I	Nhóm khoáng sản không kim loại		
1	Đất lẫn cát ở sông, biển để san lấp	m ³	25.000
2	Đất lẫn đá khai thác ở núi để san lấp	m ³	30.000
3	Đất đào đắp công trình	m ³	20.000
4	Đất đào để sản xuất gạch, ngói VLXD thông thường	m ³	25.000
5	Đất sét làm nguyên liệu SX Xi măng	m ³	70.000
6	Đá khác, sỏi	m ³	60.000
7	Đá nung vôi và sản xuất xi măng	m ³	80.000
8	Đá đen	m ³	100.000



9	Pirit, Phosphosit, mica	m3	50.000
10	Diatomit	m3	50.000
11	Cát đen san lấp	m3	40.000
12	Cát xây trát	m3	70.000
12	Cát vàng đổ bê tông	m3	130.000
II	Nước khoáng thiên nhiên		
1	Nước khoáng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m3	15.000
2	Nước thiên nhiên khai thác dưới đất dùng để phục vụ các ngành dịch vụ sản xuất như: sản xuất bia, nước ngọt có ga,...	m3	5.000
	Nước mặt sử dụng chung phục vụ sản xuất: vệ sinh công nghiệp, làm mát, tạo hơi	m3	750
	Nước dưới đất sử dụng chung phục vụ sản xuất: vệ sinh công nghiệp, làm mát, tạo hơi	m3	750
	Nước mặt sử dụng hoạt động dịch vụ rửa xe, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng	m3	750
3	Nước dưới đất sử dụng hoạt động dịch vụ rửa xe, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng	m3	750

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài chính chủ trì cùng với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cấp, các ngành và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đan Đức Hiệp